

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP
TRƯỜNG MẦM NON TƯỜNG VI

THÔNG BÁO

Công khai thông tin cơ sở vật chất của Trường Mầm non Tường Vi
Năm học 2022 - 2023

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Tổng số phòng	06	Số m ² /trẻ em
II	Loại phòng học		-
	Phòng học kiên cố	06	-
III	Số điểm trường	01	-
IV	Tổng diện tích đất toàn trường (m ²)	1.156 m ²	
V	Tổng diện tích sân chơi (m ²)	505m ²	Số 2m ² /trẻ em
VI	Tổng diện tích một số loại phòng		
	Diện tích phòng Hiệu trưởng	28	
	Diện tích phòng Hội trường	48	
	Diện tích phòng hành chính	48	
	Diện tích phòng y tế	16	
	Diện tích phòng bảo vệ	5	
	Diện tích phòng giặt	12	
	Diện tích sân rửa, sân phơi	52	
1	Diện tích phòng sinh hoạt chung (m ²)		
	Nhóm 6-18 tháng tuổi	70.6	
	Nhóm 19-36 tháng tuổi	70.6	
	Lớp 3-4 tuổi	65.4	
	Lớp 4-5 tuổi	93.5	
	Lớp 5-6 tuổi	91.8	
2	Diện tích phòng vệ sinh (m ²)		
	Nhóm 6-18 tháng tuổi	13.8	
	Nhóm 19-24 tháng tuổi	13.8	
	Nhóm 25-36 tháng tuổi	15.0	

XI	Nhà vệ sinh	Số lượng(m ²)				
		Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m ² /trẻ em	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	12m ²	15m ²			
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*	-	-	-	-	-

(*Theo Quyết định số 14/2008/QĐ-BGDĐT ngày 07/4/2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Điều lệ Trường mầm non và Thông tư số 27/2011/TT-BYT ngày 24/6/2011 của Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà tiêu- điều kiện bảo đảm hợp vệ sinh)

		Có	Không
XII	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	x	
XIII	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	x	
XIV	Kết nối internet	x	
XV	Trang thông tin điện tử (website) của cơ sở giáo dục	x	
XVI	Tường rào xây	x	
..			

Gò Vấp, ngày 20 tháng 5 năm 2023

HIỆU TRƯỞNG



Vũ Thị Kim Thoa

UBND QUẬN GÒ VẤP
TRƯỜNG MẦM NON TƯỜNG VI

THÔNG BÁO

Công khai chất lượng giáo dục mầm non của Trường Mầm non Tường Vi
Năm học 2022-2023

STT	Nội dung	Tổng số trẻ em	Nhà trẻ		Mẫu giáo		
			6-18 tháng tuổi	25-36 tháng tuổi	3-4 tuổi	4-5 tuổi	5-6 tuổi
I	Tổng số trẻ em	217	23	39	57	47	51
1	Số trẻ em nhóm ghép	-	-	-	-	-	-
2	Số trẻ em học 1 buổi/ngày	-	-	-	-	-	-
3	Số trẻ em học 2 buổi/ngày	217	23	39	57	47	51
4	Số trẻ em khuyết tật học hòa nhập	-	-	-	-	-	-
II	Số trẻ em được tổ chức ăn bán trú	217	23	39	57	47	51
III	Số trẻ em được kiểm tra định kỳ sức khỏe	217	23	39	57	47	51
IV	Số trẻ em được theo dõi sức khỏe bằng biểu đồ tăng trưởng	217	23	39	57	47	51
V	Kết quả phát triển sức khỏe của trẻ em	217	23	39	57	47	51
1	Số trẻ cân nặng bình thường	208	23	39	55	45	46
2	Số trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân	0	-	-	-	-	-
3	Số trẻ thừa cân béo phì	09	-	-	2	2	5
4	Số trẻ có chiều cao bình thường	217	23	39	57	47	51
5	Số trẻ suy dinh dưỡng thể thấp còi	0	-	-	-	-	-
VI	Số trẻ em học các chương trình chăm sóc giáo dục	217	23	39	57	47	51
1	Chương trình giáo dục nhà trẻ	62	23	39	-	-	-
2	Chương trình giáo dục mẫu giáo	155	-	-	57	47	51

Gò Vấp, ngày 20 tháng 5 năm 2023



(Signature)